

Đồng thau pha chì

bedra 38500

Mã vật liệu*

UNS	C38500
EN	CuZn39Pb3(CW 614N)
JIS	C3604
GB	HPb58-3

Thành phần hóa học

Cu	57.0-61.0	%
Pb	1.8-3.7	%
Fe	≤0.5	%
Fe+Sn	≤1.0	%
Zn	Còn lại	%



Tính năng

Có độ bền cao, chống ăn mòn và chống mài mòn, tính năng gia nhiệt và tính năng hàn tốt, nhưng tính năng gia công nguội kém.

Ứng dụng điển hình

Được sử dụng cho linh phụ kiện và thành phần yêu cầu gia công chính xác, ví dụ như vít, đai ốc và bộ phận xoay, trục, bánh răng, công cụ/đầu nối khí nén, van, bật lửa, linh kiện máy ảnh và linh kiện đồng hồ.

Tính chất vật lý*

Mật độ ¹	8.47	g/cm ³
Độ dẫn điện ¹	25	%IACS
Độ dẫn nhiệt ¹	120	W/(m·K)
Hệ số giãn nở nhiệt ²	20.1	10 ⁻⁶ /K
Mô đun đàn hồi	96.5	GPa

Chú ý: 1. Nhiệt độ thử nghiệm 20°C
2. Khoảng nhiệt độ thử nghiệm 20-300°C

Thuộc tính chế tạo

Gia công lạnh	Kém
Gia công nóng	Tốt
Hàn trở	Tốt
Hàn điện trở	Không được khuyến khích
Tính năng gia công so với đồng C36000	30%

Đồng thau pha chì

bedra 38500

Tính năng gia công

Đường kính mm	Trạng thái	Độ bền kéo MPa min.	Độ cứng HB min.
$1 \leq \phi \leq 25$	F	335	80

Dung sai và phương thức vận chuyển

Đường kính mm	Dung sai* mm	Hình bầu dục mm max.	Thanh thẳng		Độ thẳng mm/m max
			Độ dài mm max.	Độ dài ft max.	
$2 \leq \phi < 3$	0.015	0.0075	2500	8.2	1.0
$3 \leq \phi < 6$	0.02	0.01	2500	8.2	0.5
$6 \leq \phi < 10$	0.03	0.015	4000	13.1	0.5
$10 \leq \phi < 18$	0.04	0.02	4000	13.1	0.5
$18 \leq \phi < 25$	0.06	0.03	4000	13.1	0.5
$25 \leq \phi < 40$	0.10	0.05	4000	13.1	0.5
$40 \leq \phi < 60$	0.15	0.075	4000	13.1	0.5
$60 \leq \phi < 80$	0.30	0.15	3000	9.8	3.0
$80 \leq \phi < 100$	0.16	0.40	2500	6.6	5.0
$100 \leq \phi < 120$	2.00	0.50	1500	4.9	6.0

* Dung sai được liệt kê trong bảng được chỉ định là tất cả cộng hoặc tất cả trừ. Khi dung sai được chỉ định là cộng và trừ (\pm), giá trị còn lại một nửa.

*Thành phần JIS H3250-2015
 Độ dẫn điện Chỉ để tham khảo
 Tính năng gia công JIS H3250-2015
 Thuộc tính chế tạo Chỉ để tham khảo
 Các tính chất vật lý khác Chỉ để tham khảo

Bảng dữ liệu này chỉ là các thông tin chung tham khảo và có thể chưa được cập nhật. Bảng không có giá trị yêu cầu bồi thường trừ khi có bằng chứng về lỗi cố ý hoặc sơ xuất cơ bản. Các thông tin đưa ra tương ứng với các tiêu chuẩn như ASTM, BS EN, JIS, RWMA và chỉ có giá trị tham khảo, không có giá trị dẫn chứng để yêu cầu bảo hành. Thông tin đưa ra không dùng để thay thế kết quả phân tích của khách hàng.